

TUẦN 9

TOÁN

TIẾT 41 : HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

I.MỤC TIÊU :

1.Kiến thức: Giúp HS

- Có biểu tượng về hai đường thẳng vuông góc .
- Kiểm tra hai đường thẳng vuông góc với nhau bằng ê ke.
- Bài tập cần làm : Bài 1 ; 2; 3(a).

2.Kĩ năng:

- Biết dùng ê ke để kiểm tra & vẽ hai đường thẳng vuông góc với nhau.

3. Thái độ:

- HS thích tìm hiểu về hình học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

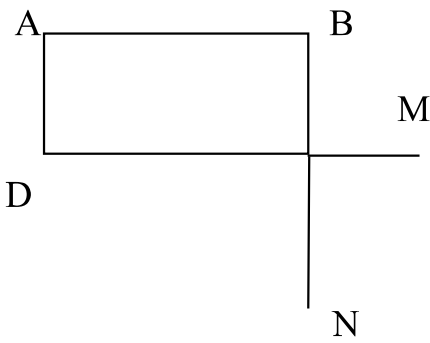
VBT

Ê – ke (cho GV & HS)

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

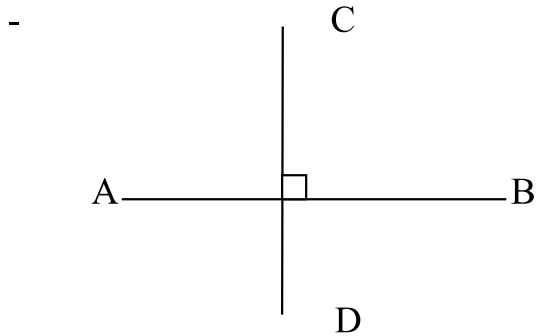
Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức lớp GV Kiểm tra sĩ số	1	HS báo cáo HS hát Chuẩn bị đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ Góc nhọn – góc tù – góc bẹt. - Nêu đặc điểm của góc nhọn, góc tù, góc bẹt? GV nhận xét .	3	HS trả lời HS nhận xét
3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài: Hai đường thẳng vuông góc	1	HS nghe và ghi tên bài
3.2 Hoạt động1: Giới thiệu hai đường thẳng vuông góc. - GV vẽ hình chữ nhật ABCD lên bảng hỏi: Hình chữ nhật có đặc điểm gì? - Yêu cầu HS dùng ê ke để xác định bốn góc A, B, C, D đều là góc vuông. - GV kéo dài hai cạnh BC & DC thành hai đường thẳng DM & BN, tô màu hai đường thẳng này. Gọi HS lên bảng dùng thước ê ke để đo & xác định góc vừa được tạo thành của hai đường thẳng này. - Hai đường thẳng vuông góc tạo thành mấy góc vuông? - GV giới thiệu cho HS biết: Hai	14	- HS quan sát và trả lời:Hình chữ nhật có 4 góc vuông; hai chiều dài bằng nhau; hai chiều rộng bằng nhau. - HS dùng thước ê ke để xác định 4 góc của hình chữ nhật là góc vuông. - HS dùng thước ê ke để xác định. + Hai đường thẳng vuông góc tạo thành 4 góc vuông. - HS đọc tên hai đường thẳng vuông góc với nhau.

đường thẳng DM & BN là hai đường thẳng vuông góc với nhau.



- GV yêu cầu HS liên hệ với một số hình ảnh xung quanh có biểu tượng về hai đường thẳng vuông góc với nhau .

- Hướng dẫn HS vẽ hai đường thẳng vuông góc bằng ê ke .



GV nêu các bước vẽ:
 + Bước 1: Vẽ đường thẳng AB
 + Bước 2: Đặt một cạnh ê ke trùng với AB, vẽ đường thẳng CD dọc theo cạnh kia của ê ke, ta được 2 đường thẳng AB & CD vuông góc với nhau.

- HS quan sát và nêu: hai mép quyển vở, hai cạnh bảng đen, hai cạnh ô cửa sổ...

HS thực hiện vẽ hai đường thẳng vuông góc theo sự hướng dẫn của GV

3.3 Hoạt động 2: Thực hành
Bài tập 1:

- Gọi HS đọc yêu cầu bài.
 Yêu cầu HS dùng ê ke để kiểm tra hai đường thẳng của mỗi hình và trình bày
 GV nhận xét – tuyên dương

17

HS đọc yêu cầu bài và dùng ê ke để kiểm tra hai đường thẳng của mỗi hình.
 a. Hai đường thẳng IH và IK vuông góc với nhau.
 b. Hai đường thẳng MP và MQ không vuông góc với nhau.

Bài tập 2:
 Gọi HS đọc yêu cầu bài, thảo luận nhóm.
 ▪ Yêu cầu HS các nhóm dùng ê ke kiểm tra góc vuông rồi ghi tên từng cặp cạnh vuông góc có trong hình.

HS đọc yêu cầu bài thảo luận trong nhóm ghi các cặp cạnh vuông góc trong hình và trình bày trước lớp.
 - AB và BC là một cặp cạnh vuông góc với nhau.
 - BC và CD là một cặp cạnh vuông

GV cùng HS nhận xét –tuyên dương		góc với nhau. -CD và DA là một cặp cạnh vuông góc với nhau. -DA và AB là một cặp cạnh vuông góc với nhau.
Bài tập 3: - Gọi HS đọc yêu cầu bài, làm bài vào vở.		HS đọc yêu cầu bài dùng ê ke kiểm tra góc và làm bài vào vở. a. Góc đỉnh E và góc đỉnh D vuông ta có: AE và ED là một cặp cạnh vuông góc với nhau. ED và DC là một cặp cạnh vuông góc với nhau. b. Góc đỉnh P và góc đỉnh N vuông ta có: MN và NP là một cặp cạnh vuông góc với nhau. NP và PQ là một cặp cạnh vuông góc với nhau.
4. Củng cố GV cho 2 HS thi đua vẽ hai đường thẳng vuông góc qua điểm A cho sẵn. - Hai đường thẳng vuông góc tạo thành mấy góc vuông? - Nhận xét tiết học.	2	2HS thi đua vẽ – HS khác nhận xét. - Hai đường thẳng vuông góc tạo thành 4 góc vuông. - HS nhận xét tiết học.
5. Dặn dò - Làm bài tập 4 trong SGK Chuẩn bị bài: Hai đường thẳng song song	1	HS chú ý nghe

TẬP ĐỌC

TIẾT 17 : THƯA CHUYỆN VỚI MẸ

I - MỤC TIÊU

1. Kiến thức :

- Bước đầu biết đọc phân biệt lời nhân vật trong đoạn đối thoại.
- Hiểu nội dung bài : Cương mơ ước trở thành một thợ rèn để kiếm sống Cương thuyết phục mẹ để mẹ thấy nghề nghiệp nào cũng đáng quý.

2. Kỹ năng:

- Đọc trôi chảy toàn bài.
- Biết đọc diễn cảm phân biệt lời các nhân vật trong đoạn đối thoại (lời Cương: lễ phép, nài nỉ thiết tha ; lời mẹ Cương : lúc ngạc nhiên, khi cảm động, dịu dàng).

3. Thái độ:

- HS biết được không có nghề nào hèn kém khi đó là việc làm chính đáng.
- GDHS có thái độ biết quý trọng các nghề nghiệp.

II – ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh sgk
- Tranh đốt pháo hoa để giảng cụm từ đốt cây bông.

III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp	1	Chuẩn bị đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ Đôi giày ba ta màu xanh - 2 HS nối tiếp nhau đọc bài Đôi giày ba ta màu xanh và trả lời câu hỏi SGK GV nhận xét	3	2 HS đọc và trả lời câu hỏi HS nhận xét
3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Bức tranh vẽ cảnh gì ? GV vào bài :Thưa chuyện với mẹ.	1	HS quan sát tranh và miêu tả HS nghe và ghi tên bài
3.2 Hoạt động 1: Luyện đọc: Gọi 1 hs đọc toàn bài HS chia đoạn 2 đoạn + GV kết hợp rèn đọc các từ khó dễ lẫn: thưa chuyện, mồn mồn, kiếm sống, dòng dõi, quan sang, phì phào. + Kết hợp giải nghĩa từ từ khó cuối bài và các từ sau: - Thưa:Trình bày với người trên. - Kiếm sống: Tìm cách làm việc để có cái nuôi mình. - Đầy tớ : Người giúp việc cho chủ HS đọc theo cặp - GV đọc diễn cảm toàn bài : giọng trao đổi, trò chuyện thân mật, nhẹ nhàng.	10	HS khá đọc bài +Đoạn 1: từ đầu đến một nghề để kiếm sống. +Đoạn 2: phần còn lại. - HS nối tiếp nhau đọc đoạn của bài HS luyện đọc theo cặp. - 1 cặp đọc bài
3.3 Hoạt động 2: Tìm hiểu bài: + GV chia lớp thành 4 nhóm để các em đọc thầm và trả lời câu hỏi. N1: Cương xin mẹ học nghề rèn để làm gì ? N2: Mẹ Cương nêu lí do phản đối như thế nào?	12	Các nhóm đọc thầm bài thảo luận trong nhóm – Đại diện nhóm trình bày + Cương thương mẹ vất vả, muốn tìm một nghề để kiếm sống, đỡ đần cho mẹ + Mẹ cho là Cương bị ai xui. Mẹ bảo nhà Cương là dòng dõi quan sang, bố Cương sẽ không chịu cho Cương đi làm thợ rèn vì sợ

<p>- Đoạn 1 cho biết gì?</p> <p>N3:Cương thuyết phục mẹ bằng cách nào?</p> <p>- Đoạn 2 ý nói gì?</p> <p>N4:Nhận xét cách trò chuyện giữa hai mẹ con?</p> <p>Nêu nội dung câu chuyện .</p>		<p>mất thể diện gia đình.</p> <p>Ý đoạn 1: Ước muốn của Cương là được làm nghề thợ rèn.</p> <p>+ Cương nắm tay mẹ, nói với mẹ những lời thiết tha: nghề nào cũng quan trọng, chỉ những ai trộm cắp hay ăn bám mới đáng bị coi thường.</p> <p>Ý đoạn 2: Cương thuyết phục mẹ cho em được làm nghề mà em ao ước.</p> <p>+ Cách xưng hô: đúng thứ bậc trên dưới trong gia đình, Cương xưng hô với mẹ lễ phép, kính trọng.Mẹ Cương xưng mẹ gọi con rất dễ dàng, âu yếm. Cách xưng hô đó thể hiện tình cảm mẹ con trong gia đình rất thân ái.</p> <p>+ Cử chỉ trong lúc trò chuyện: thân mật, tình cảm.</p> <p>+ Cử chỉ của mẹ: Xoa đầu Cương khi thấy Cương rất thương mẹ.</p> <p>+ Cử chỉ của Cương : Mẹ nêu lí do phản đối, em nắm tay mẹ, nói thiết tha.</p> <p>* ND: Cương mơ ước trở thành một thợ rèn để kiếm sống. Cương thuyết phục mẹ để mẹ thấy nghề nghiệp nào cũng đáng quý.</p>
<p>3.4Hoạt động 3: Hướng dẫn đọc diễn cảm</p> <p>+ GV hướng dẫn cả lớp đọc diễn cảm một đoạn trong bài: : “Cương thấy nghèn nghẹn đốt cây bông.”</p> <p>- GV đọc mẫu đoạn văn đọc diễn cảm</p>	10	<p>HS nối tiếp nhau đọc 2 đoạn của bài.</p> <p>-Từng cặp HS luyện đọc</p> <p>-Một vài HS thi đọc diễn cảm trước lớp.</p> <p>3 học sinh đọc theo cách phân vai.</p>
<p>4. củng cố</p> <p>- Câu chuyện có ý nghĩa như thế nào?</p> <p>Nhận xét tiết học.</p>	2	<p>- Cương đã thuyết phục mẹ hiểu nghề nào cũng cao quý để mẹ ủng hộ em thực hiện nguyện vọng học nghề rèn giúp đỡ gia đình.</p> <p>HS nhận xét tiết học</p>
<p>5. Dặn dò Đọc lại bài và chuẩn bị bài: Điều ước của vua Mi-đát.</p>	1	<p>HS chú ý nghe</p>

CHÍNH TẢ
TIẾT 9 : (Nghe – Viết) THỢ RÈN

I.MỤC TIÊU

1.Kiến thức:

- Nghe – viết đúng chính tả, trình bày đúng bài thơ **Thợ rèn**

2.Kĩ năng:

- Làm đúng các bài tập phân biệt những tiếng có phụ âm đầu l/n hoặc vần uôn/uông

3. Thái độ:

- Trình bày bài cẩn thận, sạch sẽ.
- Có ý thức rèn chữ viết đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

Tranh minh hoạ

Phiếu khổ to viết nội dung BT2b

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định tổ chức lớp	1	Chuẩn bị đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ GV mời 1 HS đọc cho các bạn viết các từ bắt đầu bằng l / n hoặc có vần uôn / uông GV đọc hs viết từ sau rẻ tiên, chế giễu, duyên dáng, giã giũa, rừng rậm, GV nhận xét	3	2 hs viết -2 HS viết bảng lớp, cả lớp viết bảng con các từ: rẻ tiên, chế giễu, duyên dáng, giã giũa, rừng rậm, HS nhận xét
3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Bài tập đọc Thưa chuyện với mẹ đã cho các em biết ý muốn được học nghề rèn của anh Cương, quang cảnh hấp dẫn của lò rèn. Trong giờ chính tả hôm nay, các em sẽ nghe – viết bài thơ Thợ rèn , biết thêm cái hay, cái vui nhộn của nghề này. Giờ học còn giúp các em luyện tập phân biệt các tiếng có âm, vần dễ lẫn (cặp âm đầu l / n hoặc vần có các âm cuối n / ng)	1	HS nghe và ghi tên bài -HS xem tranh minh hoạ
3.2 Hoạt động1: HD HS nghe - viết chính tả - GV đọc đoạn viết chính tả lần 1 - GV yêu cầu HS đọc thầm lại đoạn văn cần viết & cho biết: Bài thơ cho các em biết những gì về nghề thợ rèn?	20	HS theo dõi trong SGK -HS đọc thầm lại đoạn văn cần viết & nêu: Nghề thợ rèn tuy vất vả nhưng rất vui. -HS nêu những hiện tượng mình

<ul style="list-style-type: none"> -GV viết bảng những từ HS dễ viết sai & hướng dẫn HS nhận xét -GV yêu cầu HS viết những từ ngữ dễ viết sai vào bảng con -GV đọc từng câu, từng cụm từ 2 lượt cho HS viết -GV đọc toàn bài chính tả 1 lượt -GV chấm bài 1 số HS & yêu cầu từng cặp HS đổi vở soát lỗi cho nhau -GV nhận xét chung 		<p>dễ viết sai: quai (búa), quệt, bóng nhẫy, ửng ực, diễn kịch, nghịch</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS luyện viết bảng con - HS nghe – viết - HS soát lại bài <p>HS đổi vở cho nhau để soát lỗi chính tả</p>
<p>3.3Hoạt động 2: HD HS làm bài tập chính tả Bài tập 2b: GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập 2b GV dán 4 tờ phiếu đã viết nội dung lên bảng, mời HS lên bảng làm thi GV nhận xét kết quả bài làm của HS, chốt lại lời giải đúng.</p>	12	<p>HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp đọc thầm đoạn văn, làm bài vào VBT - 4 HS lên bảng làm vào phiếu - Từng em đọc lại đoạn văn đã hoàn chỉnh <p>+ Uống nước nhớ nguồn. + Anh đi anh nhớ quê nhà Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương. + Đố ai lặn xuống vực sâu Mà đo miệng cá uốn câu cho vừa. + Người thanh tiếng nói cũng thanh Chuông kêu khê đánh bên thành cũng kêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp nhận xét kết quả làm bài - Cả lớp sửa bài theo lời giải đúng
<p>4. Củng cố + Nhắc những HS viết sai chính tả ghi nhớ để không viết sai những từ đã học + GV nhận xét tiết học.</p>	2	HS nghe
<p>5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Ôn tập giữa kì I</p>	1	HS chú ý nghe

TIẾT 42 : HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức: Giúp HS

- Có biểu tượng về hai đường thẳng song song.
- Nhận biết được hai đường thẳng song song .
- Bài tập cần làm : Bài 1 ; 2; 3(a)

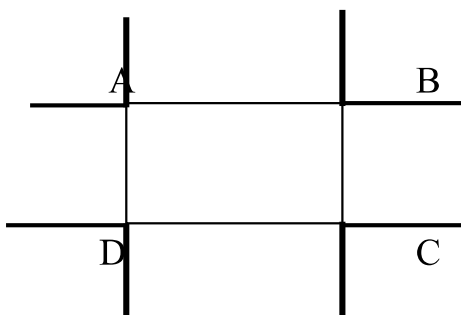
2.Kĩ năng:

- Vẽ được hai đường thẳng song song (chưa đòi hỏi phải chính xác tuyệt đối).

3. Thái độ:- HS thích tìm hiểu về hình học

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC Thước thẳng & ê ke (cho GV & HS)

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức lớp GV Kiểm tra sĩ số	1	HS báo cáo HS hát Chuẩn bị đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ - Hai đường thẳng vuông góc tạo thành mấy góc vuông? - Hãy vẽ hai đường thẳng vuông góc. GV nhận xét	3	1HS trả lời , -1 hs lên bảng vẽ HS nhận xét
3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài	1	HS nghe và ghi tên bài
3.2 Hoạt động1: Giới thiệu hai đường thẳng song song. - GV vẽ hình chữ nhật ABCD lên bảng. Yêu cầu HS nêu tên các cặp cạnh đối diện nhau. - Trong hình chữ nhật các cặp cạnh nào bằng nhau. - GV dùng phấn màu kéo dài về hai phía của hai cạnh đối diện, tô màu hai đường này & cho HS biết: “Hai đường thẳng AB & CD là hai đường thẳng song song với nhau”.  - Tương tự cho HS kéo dài hai cạnh AD & BC về hai phía & nêu nhận xét: AD & BC là hai đường thẳng	14	- HS quan sát hình vẽ và nêu : AB đối diện với CD; AD đối diện với BC. + Trong hình chữ nhật các cặp cạnh bằng nhau : $AB= CD$; $AD = BC$. - HS quan sát. HS thực hiện vẽ trên giấy HS quan sát hình & trả lời

<p>song song.</p> <p>- Đường thẳng AB & đường thẳng CD có cắt nhau hay vuông góc với nhau không?</p> <p>- GV kết luận: Hai đường thẳng song song thì không bao giờ gặp nhau.</p> <p>- Cách nhận biết hai đường thẳng song song: đường thẳng AB & CD cùng vuông góc với đường thẳng nào?</p> <p>- GV kết luận: để nhận biết hai đường thẳng song song thì hai đường thẳng đó phải vuông góc với một đường thẳng khác.</p> <p>GV cho HS liên hệ thực tế để tìm ra các đường thẳng song song</p>		<p>+ Đường thẳng AB & đường thẳng CD không cắt nhau cũng không vuông góc với nhau .</p> <p>- Vài HS nêu lại.</p> <p>HS nêu :đường thẳng AB & CD cùng vuông góc với đường thẳng AD(hoặc BC)</p> <p>- Vài HS nhắc lại</p> <p>- HS liên hệ thực tế tiếp nối nhau nêu.vd 2 mép bảng đen , 2 mép bàn ...</p>
<p>3.3Hoạt động 2: Thực hành</p> <p>Bài tập 1:</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu bài, quan sát hình vẽ SGK và làm bài vào phiếu học tập.</p> <p>GV cùng HS sửa bài nhận xét</p>	18	<p>- HS đọc yêu cầu bài và làm bài vào phiếu học tập+ 1HS lên bảng làm bài.</p> <p>a. Hình chữ nhật ABCD có:</p> <p>- AB song song với CD;</p> <p>- AD song song với BC.</p> <p>b. Hình vuông MNPQ có :</p> <p>- MN song song với PQ</p> <p>- MQ song song với NP.</p>
<p>Bài tập 2:</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu bài và tổ chức cho HS thi đua.</p> <p>GV cùng HS nhận xét - tuyên dương</p>		<p>HS đọc yêu cầu bài và lên bảng thi đua làm bài .</p> <p>- Hình tứ giác ABEG; ACDG; BCDE đều là hình chữ nhật.</p> <p>Cạnh BE song song với AG và CD</p>
<p>Bài tập 3:</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu bài và làm bài vào vở.</p> <p>GV chấm một số vở nhận xét.</p>		<p>HS đọc yêu cầu bài và tìm các cặp cạnh song song ghi vào vở.</p> <p>+ Hình MNPQ có :</p> <p>a. MN song song với PQ.</p> <p>b. MQ vuông góc với MN</p> <p>MQ vuông góc với QP.</p> <p>+ Hình IDEGH có :</p> <p>a. ID song song với GH.</p> <p>b. DE vuông góc với EG</p> <p>GH vuông góc với HI</p> <p>HI vuông góc với ID</p>

4. Củng cố Hai đường thẳng song song có gặp nhau không? - Nhận xét tiết học	2	HS nêu
5. Dặn dò - Làm lại bài 1,2 trong SGK Chuẩn bị bài: Vẽ hai đường thẳng vuông góc.	1	HS chú ý nghe

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TIẾT 17 : MỞ RỘNG VỐN TỪ: ƯỚC MƠ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Biết thêm một số từ ngữ về chủ điểm “ Trên đôi cánh ước mơ” bước đầu tìm được một số từ cùng nghĩa với từ ước mơ bắt đầu tiếng ước , bằng tiếng mơ (BT1, BT2) ; ghép được từ ngữ sau từ ước mơ và nhận biết được sự đánh giá của từ ngữ đó (BT3), nêu được VD minh họa về một loại ước mơ (BT4) .

- Có ước mơ đẹp và có ý thức biến ước mơ hành sự thật

2. Kỹ năng:

- Bước đầu phân biệt được giá trị những ước mơ cụ thể qua luyện tập sử dụng các từ bổ trợ cho từ *ước mơ* & tìm ví dụ minh họa

3. Thái độ:

- Yêu thích tìm hiểu từ Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu kẻ bảng để HS các nhóm thi làm BT2 + từ điển hoặc sổ tay ngôn ngữ.

Từ cùng nghĩa ước mơ bắt đầu bằng tiếng ước	Từ cùng nghĩa ước mơ bắt đầu bằng tiếng mơ
- M: ước muốn	- mơ ước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp	1	Chuẩn bị đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ - GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ - Gọi 2 HS lên bảng : + HS1 sử dụng dấu ngoặc kép dùng dẫn lời nói trực tiếp. + HS2 sử dụng dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt. GV nhận xét	3	1HS trả lời 2 Hs lấy ví dụ - Cô giáo dặn : "Ngày mai lớp ta đi lao động ." - bạn Na là "nhà khoa học trẻ " HS nhận xét
3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Các bài tập	1	HS nghe và ghi tên bài

<p>đọc trong 2 tuần qua đã giúp các em biết thêm một số từ ngữ thuộc chủ điểm <i>Trên đôi cánh ước mơ</i>. Tiết LTVC hôm nay sẽ giúp các em mở rộng vốn từ ngữ, thành ngữ thuộc chủ điểm này.</p>		
<p>3.2 Hoạt động 2: Hướng dẫn luyện tập Bài tập 1: - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV phát 3 tờ phiếu - GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng: + <i>Mơ tưởng</i>: mong mỏi & tưởng tượng ra điều mình mong mỏi sẽ đạt được trong tương lai. + <i>Mong ước</i>: mong muốn thiết tha điều tốt đẹp trong tương lai.</p>	8	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài tập - HS đọc thầm bài <i>Trung thu độc lập</i>, tìm từ đồng nghĩa với <i>ước mơ</i> ghi vào sổ tay từ ngữ. - 3 HS làm bài vào giấy - HS phát biểu ý kiến, kết hợp giải nghĩa từ.
<p>Bài tập 2: - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV phát phiếu & vài trang từ điển phổ thông cho các nhóm trao đổi, thảo luận, tìm thêm những từ đồng nghĩa với từ <i>ước mơ</i>, thống kê vào phiếu</p> <p>- GV cùng HS nhận xét – tuyên dương</p>	8	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài tập - Các nhóm trao đổi, thảo luận, tìm thêm những từ đồng nghĩa với từ <i>ước mơ</i>, thống kê vào phiếu - Đại diện nhóm dán bài làm trên bảng lớp, đọc kết quả. <ul style="list-style-type: none"> a. Bắt đầu bằng tiếng ước: ước mơ, ước ao, ước muốn, ước mong, ước vọng,... b. Bắt đầu bằng tiếng mơ: mơ ước, mơ tưởng, mơ mộng, mơ màng,...
<p>Bài tập 3 HS đọc yêu cầu của bài: - Ghép thêm từ vào sau từ <i>ước mơ</i> những từ ngữ thể hiện sự đánh giá về những ước mơ cụ thể. - GV đính bảng hàng loạt cho HS thi đua ghép sau từ <i>ước mơ</i>. - GV nhận xét + tổng kết.</p>	5	<p>HS thi đua ghép theo 3 nhóm : Đánh giá cao – Đánh giá thấp – Đánh giá không cao. + Đánh giá cao: ước mơ đẹp đẽ, ước mơ cao cả, ước mơ lớn, ước mơ chính đáng. + Đánh giá không cao: ước mơ nhỏ nhen. + Đánh giá thấp: ước mơ viển vông, ước mơ đại dột, ước mơ kì quặc.</p>

<p>Bài tập 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV nhắc HS tham khảo gợi ý 1 trong bài <i>Kể chuyện đã nghe, đã đọc</i> (trang 80) để tìm ví dụ về những ước mơ. - GV nhận xét, chốt lại ý kiến đúng <p>Bài tập 5: HD HS khá giỏi</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV nhận xét, bổ sung + <i>Câu được ước thấy</i>: đạt được điều mình mơ ước. + <i>Ước sao được vậy</i>: đồng nghĩa với <i>Câu được ước thấy</i> + <i>Ước của trái mùa</i>: muốn những điều trái với lẽ thường. + <i>Đứng núi này trông núi nọ</i>: không bằng lòng với cái hiện đang có, lại mơ tưởng tới cái khác chưa phải của mình. 	<p>8</p> <p>3</p>	<p>HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từng cặp HS trao đổi. Mỗi em nêu ví dụ về 1 loại ước mơ - HS phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét - Đánh giá cao : Ước mơ làm bác sĩ , làm giáo viên . - Đánh giá thấp: Trái đất nổ tung - Đánh giá không cao: Có bộ quần áo mới , có đôi dép mới . <p>- HS đọc yêu cầu bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từng cặp HS trao đổi - HS trình bày cách hiểu thành ngữ.
<p>4. Củng cố</p> <p>HS nêu nội dung bài</p> <p>GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS.</p>	<p>2</p>	<p>2 hs nêu lại nội dung bài học</p>
<p>5. Dặn dò</p> <p>HTL các từ đồng nghĩa với từ <i>ước mơ</i></p> <p>Chuẩn bị bài: Động từ</p>	<p>1</p>	<p>HS chú ý nghe</p>

KỂ CHUYỆN

TIẾT 9 : KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Chọn được một câu chuyện về ước mơ đẹp của mình hoặc bạn bè, người thân.
- Biết sắp xếp các sự việc thành một câu chuyện để kể lại rõ ý; biết trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.

2. Kỹ năng

- Kể chuyện tự nhiên, chân thực, kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ.

3. Thái độ

- Chăm chú theo dõi bạn kể chuyện. Nhận xét, đánh giá đúng lời kể của bạn.

II :ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng lớp viết đề bài.

- Giấy khổ to viết vắn tắt

+ Ba hướng xây dựng cốt truyện:

- Nguyên nhân làm nảy sinh ước mơ đẹp.
- Những cố gắng để đạt được ước mơ đó.
- Những khó khăn đã vượt qua, ước mơ đạt được.

+ Dàn ý của bài kể chuyện:

Tên câu chuyện

- Mở đầu: Giới thiệu ước mơ của em hay bạn bè, người thân.
- Diễn biến:
- Kết thúc:

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp	1	Chuẩn bị đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ Yêu cầu 1 HS kể lại truyện đã nghe, đã đọc nói về ước mơ. GV nhận xét	3	HS kể HS nhận xét
3. Bài mới - 3.1 Giới thiệu bài : Tuần trước, các em đã kể lại những câu chuyện đã nghe, đã đọc về ước mơ đẹp. Trong tiết học này, các em sẽ kể một câu chuyện về ước mơ đẹp của chính mình hay bạn bè, người thân. Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia	1	HS nghe HS ghi tên bài
3.2 Hoạt động 2:HDHS hiểu yêu cầu của đề bài - GV gạch dưới những từ ngữ quan trọng: Kể về một <u>ước mơ đẹp</u> của em hoặc của <u>bạn bè, người thân.</u> - GV nhấn mạnh: Câu chuyện em kể phải là ước mơ có thực, nhân vật trong câu chuyện chính là các em hoặc bạn bè, người thân.	4	- HS theo dõi - HS gạch chân từ trọng tâm
3.3Hoạt động 3: Gợi ý HS kể chuyện Giúp HS hiểu các hướng xây dựng cốt truyện	10	- 3 HS tiếp nối nhau đọc gợi ý 2.

<p>- GV mời HS đọc gợi ý 2</p> <p>- GV dán tờ phiếu ghi 3 hướng xây dựng cốt truyện:</p> <p>+ Nguyên nhân làm nảy sinh ước mơ đẹp.</p> <p>+ Những cố gắng để đạt được ước mơ đó.</p> <p>+ Những khó khăn đã vượt qua, ước mơ đạt được</p> <p>Đặt tên cho câu chuyện</p> <p>- GV dán bảng tờ giấy đã viết sẵn dàn bài kể chuyện để HS chú ý khi kể</p> <p>- GV nhắc HS: kể câu chuyện em đã chứng kiến, em phải mở đầu câu chuyện ở ngôi thứ nhất (<i>em, tôi</i>)</p> <p>- GV khen ngợi nếu có những HS chuẩn bị tốt dàn ý cho bài kể chuyện trước khi đến lớp</p>		<p>- Cả lớp theo dõi trong SGK</p> <p>- HS đọc</p> <p>HS tiếp nối nhau nói đề tài kể chuyện & hướng xây dựng cốt truyện của mình.</p> <p>- HS đọc gợi ý 3</p> <p>- HS suy nghĩ, đặt tên cho câu chuyện của mình</p> <p>- HS tiếp nối nhau phát biểu ý kiến.</p>
<p>3.4 Hoạt động 4: Thực hành kể chuyện</p> <p>a/ Kể chuyện theo nhóm</p> <p>- GV đến từng nhóm, nghe HS kể, hướng dẫn, góp ý.</p> <p>b/ Thi kể chuyện trước lớp</p> <p>- GV dán lên bảng tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện</p> <p>+ <i>Nội dung câu chuyện có đúng chủ đề không</i></p> <p>+ <i>Cách kể (giọng điệu, cử chỉ)</i></p> <p>+ <i>Khả năng hiểu truyện của người kể.</i></p> <p>- GV viết lần lượt lên bảng tên những HS tham gia thi kể & tên truyện của các em để cả lớp nhớ khi nhận xét, bình chọn</p> <p>- GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay nhất, hiểu câu chuyện nhất</p>	16	<p>Từng cặp HS kể chuyện cho nhau nghe</p> <p>- 1HS kể lại toàn bộ câu chuyện</p> <p>- HS xung phong thi kể trước lớp</p> <p>- Mỗi HS kể chuyện xong đều nói ý nghĩa câu chuyện của mình trước lớp hoặc trao đổi cùng bạn, đặt câu hỏi cho các bạn hoặc trả lời câu hỏi của cô giáo, của các bạn về nhân vật, chi tiết, ý nghĩa câu chuyện.</p> <p>- HS cùng GV bình chọn bạn kể chuyện hay nhất, hiểu câu chuyện nhất</p>
<p>4. Cũng cố</p> <p>GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS kể hay, nghe bạn chăm chú, nêu nhận xét chính xác</p>	2	
<p>5. Dặn dò</p>	1	HS chú ý nghe

- Kể lại câu chuyện cho người thân nghe. Chuẩn bị bài: Bàn chân kì diệu .		
--	--	--

KHOA HỌC

TIẾT 17 : PHÒNG TRÁNH TAI NẠN ĐUỐI NƯỚC

I.MỤC TIÊU

1. Kiến thức :

Sau bài học, HS có thể:

- Nêu được một số việc nên và không nên làm để phòng tránh tai nạn đuối nước :
 - +Không chơi đùa gần hồ, ao, sông, suối ; giếng, chum, vại, bể nước phải có nắp đậy.
 - +Chấp hành các quy định về an toàn khi tham gia giao thông đường thủy.
 - +Tập bơi khi có người lớn và phương tiện cứu hộ.
- Thực hiện được các quy tắc an toàn phòng tránh đuối nước.
- GD HS luôn có ý thức phòng tránh tai nạn sông nước và vận động các bạn cùng thực hiện.

2. Kỹ năng : Biết cách tránh tai nạn đuối nước

Khi thấy bạn bị đuối nước biết cách giúp đỡ , gọi người đến cứu

3. Thái độ:

- Vận dụng những điều đã biết vào cuộc sống

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Hình trang 36, 37 SGK

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

1. Ổn định tổ chức lớp	1	Chuẩn bị đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ - Khi bị bệnh ta cần ăn uống như thế nào? GV nhận xét	3	2 HS trả lời HS nhận xét
3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài : Phòng tránh tai nạn đuối nước	1	HS nghe và ghi tên bài
3.2 Hoạt động 1: Thảo luận về các biện pháp phòng tránh tai nạn đuối nước *Mục tiêu: HS kể tên một số việc nên và không nên làm để phòng tránh tai nạn đuối nước *Cách tiến hành: Bước 1: Làm việc theo nhóm	10	- HS quan sát tranh trang 36,37 SGK thảo luận trong nhóm- Đại diện nhóm lên trình bày +Việc nên làm: Không chơi đùa

<p>- Thảo luận: nên và không nên làm gì để phòng tránh đuối nước trong cuộc sống hằng ngày?</p> <p>Bước 2: Làm việc cả lớp</p> <p>GV kết luận :</p> <p>- Không chơi đùa gần hồ, ao, sông, suối. Giếng nước phải được xây thành cao, có nắp đậy. Chum, vại, bể nước phải có nắp đậy</p> <p>- Chấp hành tốt các quy định về an toàn khi tham gia các phương tiện giao thông đường thủy. Tuyệt đối không lội qua suối khi trời mưa lũ, dông bão</p> <p><i>Lưu ý: Trên thực tế, một số người bị ngạt thở do nước vẫn có khả năng được cứu sống. Vì vậy những chuyên gia y tế đã dùng thuật ngữ “đuối nước”</i></p>		<p>gần hồ, ao, sông, suối. Giếng nước phải được xây thành cao, có nắp đậy. Chum, vại, bể nước phải có nắp đậy</p> <p>+Việc không nên làm: chơi đùa gần hồ, ao, sông, suối, cúi đầu xuống giếng, thò chân xuống nước khi đi thuyền,ghe, lội qua suối khi trời mưa.</p> <p>- HS nhận xét</p>
<p>3.3Hoạt động 2: Thảo luận về một số nguyên tắc khi tập bơi hoặc đi bơi</p> <p>Mục tiêu: HS nêu được một số nguyên tắc khi tập bơi hoặc đi bơi</p> <p>Cách tiến hành: Làm việc cả lớp.</p> <p>- Yêu cầu cả lớp quan sát tranh SGK và trả lời</p> <p>+ Nên tập bơi hoặc đi bơi ở đâu?</p> <p>+ Khi đi bơi và tập bơi cần chú ý điều gì?</p> <p>- GV giảng thêm:</p> <p>+ Không xuống nước bơi lội khi đang ra mồ hôi, trước khi xuống nước phải vận động, tập các bài tập theo hướng dẫn để tránh cảm lạnh, chuột rút</p> <p>+ Đi bơi ở các bể bơi phải tuân theo nội quy của bể bơi: tắm sạch trước và sau khi bơi để giữ vệ sinh chung và vệ sinh cá nhân</p> <p>+ Không bơi khi vừa ăn no hoặc khi quá đói</p> <p>GV kết luận :</p> <p>- Chỉ tập bơi hoặc bơi nơi có người</p>	<p>10</p>	<p>Đại diện HS trình bày</p> <p>+ Đi bơi, tập bơi ở bể bơi, tắm biển nơi quy định được tắm.</p> <p>+ Có phao bơi, có người lớn đi kèm.</p> <p>HS cả lớp theo dõi</p>

lớn và phương tiện cứu hộ, tuân thủ các quy định của bể bơi, khu vực bơi		
<p>3.4Hoạt động 3: Thảo luận (hoặc đóng vai)</p> <p>Mục tiêu: HS có ý thức phòng tránh tai nạn đuối nước và vận động các bạn cùng thực hiện</p> <p>Cách tiến hành: : Làm việc theo nhóm</p> <p>- GV chia lớp thành 6 nhóm. Giao cho mỗi nhóm 1 tình huống để các em thảo luận và tập cách ứng xử phòng tránh tai nạn sông nước</p> <p>Tình huống 1: Hùng và Nam vừa chơi đá bóng về, Nam rủ Hùng ra hồ ở gần nhà để tắm. Nếu là Hùng, bạn sẽ ứng xử thế nào?</p> <p>Tình huống 2: Lan nhìn thấy em mình đánh rơi đồ chơi vào bể nước và đang cúi xuống để lấy. Nếu bạn là Lan, bạn sẽ làm gì?</p> <p>Tình huống 3: trên đường đi học về trời đổ mưa to và nước suối chảy xiết, My và các bạn của My nên làm gì?</p> <p>GV cùng HS nhận xét</p> <p>GV kết luận:</p>	7	<p>nhóm thảo luận đưa ra ý đúng.</p> <p>+ Em khuyên Nam không nên tắm vì mình đang ra mồ hôi, nếu tắm sẽ dễ bị bệnh.</p> <p>+ Nếu em là Lan em không cúi xuống để lấy mà em sẽ nhờ người lớn lấy giùm em.</p> <p>+ My và các bạn nên tìm chỗ trú ẩn chờ ngớt mưa, nước rút xuống mới về nhà.</p> <p>2HS đọc mục bạn cần biết cuối bài.</p>
<p>4. Củng cố</p> <p>-Cần làm gì để phòng tránh tai nạn đuối nước ?</p> <p>-GV nhận xét tinh thần học tập của HS.</p>	2	2 hs nêu
<p>5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Ôn tập: con người và sức khỏe</p>	1	HS chú ý nghe

LỊCH SỬ

TIẾT 9 : ĐÌNH BỘ LĨNH DẸP LOẠN 12 SỨ QUÂN

I.MỤC TIÊU :

1.Kiến thức:

Nắm được những nét chính về sự kiện Đình Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân:

+ Sau khi Ngô Quyền mất, đất nước rơi vào cảnh loạn lạc, các thế lực cát cứ địa phương nổi dậy chia cắt đất nước .

+ Đinh Bộ Lĩnh đã tập hợp nhân dân dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước.

- Đôi nét về Đinh Bộ Lĩnh quê ở vùng Hoa Lư, Ninh Bình, 1 một người cương nghị, mưu cao và có chí lớn, ông có công dẹp loạn 12 sứ quân.

2.Kĩ năng:

- HS nắm được sự ra đời của đất nước Đại Cồ Việt & tên tuổi, sự nghiệp của Đinh Bộ Lĩnh.

3.Thái độ:

- Tự hào về truyền thống dựng nước & giữ nước của dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh sgk

- Bảng so sánh tình hình đất nước trước & sau khi được thống nhất

Thời gian Các mặt	Trước khi thống nhất	Sau khi thống nhất
<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh thổ - Triều đình - Đời sống của nhân dân 	<ul style="list-style-type: none"> - Bị chia thành 12 sứ - Lục đục - Làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá, đổ máu vô ích 	<ul style="list-style-type: none"> - Đất nước quy về một mối - Được tổ chức lại quy củ - Đồng ruộng trở lại xanh tươi, ngược xuôi buôn bán, khắp nơi chùa tháp được xây dựng

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức lớp	1	Chuẩn bị đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ -Nêu diễn biến, ý nghĩa của khởi nghĩa Hai Bà Trưng? - Nêu kết quả, ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng? GV nhận xét	3	2 HS trả lời HS nhận xét
3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài - Người nào đã giúp nhân dân ta giành được độc lập sau hơn 1000 năm bị quân Nam Hán đô hộ? - Ngô Vương lên làm vua 6 năm thì mất, quân thù tiếp tục lăm le bờ cõi, trong nước thì rối ren, ai cũng muốn được nắm quyền nhưng không đủ tài. Vậy ai sẽ là người đứng lên củng cố nền độc lập của nước nhà & thống nhất đất nước?	1	- Ngô Quyền

<p>Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu qua bài: Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân.</p>		<p>HS nghe và ghi tên bài</p>						
<p>3.2 Hoạt động 1: Hoạt động cả lớp - GV đặt câu hỏi: + Đinh Bộ Lĩnh là người như thế nào? + Ông đã có công gì? + Sau khi thống nhất đất nước, Đinh Bộ Lĩnh đã làm gì? - GV giải thích các từ + Hoàng: là Hoàng đế, có ý nói ngang hàng với Hoàng đế Trung Hoa + Đại Cồ Việt: nước Việt lớn + Thái Bình: yên ổn, không có loạn lạc & chiến tranh.</p>	<p>13</p>	<p>HS đọc thầm SGK trả lời câu hỏi. + Đinh Bộ Lĩnh sinh ra & lớn lên ở Hoa Lư, Gia Viễn, Ninh Bình, là người có tài, mưu lược, có chí lớn. + Lớn lên gặp buổi loạn lạc, Đinh Bộ Lĩnh đã xây dựng lực lượng, đem quân đi dẹp loạn 12 sứ quân. Năm 968, ông đã thống nhất được giang sơn. - Lên ngôi vua lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đóng đô ở Hoa Lư, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, niên hiệu Thái Bình</p>						
<p>3.3 Hoạt động 2: Hoạt động nhóm - GV phát phiếu học tập cho các nhóm - GV yêu cầu các nhóm lập bảng so sánh tình hình đất nước trước & sau khi được thống nhất</p>	<p>12</p>	<p>- HS các nhóm thảo luận điền vào phiếu học tập.</p> <table border="1" data-bbox="959 1173 1474 1350"> <thead> <tr> <th data-bbox="959 1173 1129 1305">Thời gian</th> <th data-bbox="1129 1173 1300 1305">Trước khi thống nhất</th> <th data-bbox="1300 1173 1474 1305">Sau khi thống nhất</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="959 1305 1129 1350">-</td> <td data-bbox="1129 1305 1300 1350">-</td> <td data-bbox="1300 1305 1474 1350">-</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Đại diện nhóm thông báo kết quả làm việc của nhóm</p>	Thời gian	Trước khi thống nhất	Sau khi thống nhất	-	-	-
Thời gian	Trước khi thống nhất	Sau khi thống nhất						
-	-	-						
<p>4. Cũng cố GV cho HS thi đua kể các chuyện về Đinh Bộ Lĩnh mà các em sưu tầm được. - GV chốt: Buổi đầu độc lập của dân tộc ta là một thời kì khó khăn. Với tấm lòng yêu nước, thương dân cao độ, Đinh Bộ Lĩnh đã có công lớn thống nhất đất nước, đưa lại nền thái bình cho toàn dân. Tên tuổi của nhà nước Đại Cồ Việt từ lâu là niềm tự hào dân tộc của các thế hệ người Việt Nam trong lịch sử đấu tranh bảo vệ & xây dựng đất nước.</p>	<p>4</p>	<p>HS thi đua kể về Đinh Bộ Lĩnh</p>						

5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất (981).	1	HS chú ý nghe

TOÁN

TIẾT 43 : VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức - Giúp HS

- Biết vẽ một đường thẳng đi qua một điểm và vuông góc với một đường thẳng cho trước
- Vẽ được đường cao của một hình tam giác .
- Bài tập cần làm : Bài 1 ; 2

2. Kỹ năng: Vẽ được 2 đường thẳng vuông góc với nhau

3. Thái độ:

- HS thích tìm hiểu về hình học

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thước kẻ & ê ke.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức lớp GV Kiểm tra sĩ số	1	HS báo cáo HS hát Chuẩn bị đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ Gọi HS lên bảng sửa bài tập 1,2 làm ở nhà. - Hai đường thẳng song song có cắt nhau không? GV nhận xét	3	2 HS nêu HS trả lời HS nhận xét
3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài : Vẽ 2 đường thẳng vuông góc	1	HS nghe và ghi tên bài
3.2 Hoạt động 1: Vẽ một đường thẳng đi qua một điểm & vuông góc với một đường thẳng cho trước. a. Trường hợp điểm E nằm trên đường thẳng AB - Bước 1: Đặt cạnh góc vuông ê ke trùng với đường thẳng AB. - Bước 2: Chuyển dịch ê ke trượt trên đường thẳng AB sao cho cạnh	14	- HS thực hành vẽ vào VBT 